

Bản án số: 59/2024/DS-ST  
Ngày: 22-5-2024  
V/v T/c hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Bảo Trâm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Tấn Lộc

Bà Hồ Lệ Hoa

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Phượng Kiều, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Ông Võ Hồng Quân, Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 397/2023/TLST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2023, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2024/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông **Hồ Hiền T**, sinh năm 1986, có mặt

Địa chỉ cư trú: **Số H, Phan Ngọc H, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau.**

*Bị đơn:*

- Ông **Trần Văn N**, sinh năm 1990, có mặt

- Bà **Nguyễn Thị Ú**, sinh năm 1988 (vợ ông **N**), vắng mặt

Cùng địa chỉ cư trú: **Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.**

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện ngày 15/12/2023 và tại phiên tòa, ông **Hồ Hiền T** trình bày:

Vào ngày 07/3/2022, ông **N** có hỏi vay của ông số tiền 400.000.000 đồng để đặt cọc mua đất và hứa sau 10 ngày khi làm thủ tục chuyển tên sẽ vay Ngân hàng trả

tiền cho ông, không có thoả thuận lãi suất cụ thể. Ông **N** có viết biên nhận vay tiền. Tuy nhiên, từ khi vay tiền đến nay ông **N** không thanh toán vốn và lãi cho ông **T**. Ông **T** có đến nhà đòi nợ thì bà **Ú** có hứa sẽ kiếm tiền trả cho ông **T** nhưng đến nay vẫn không thực hiện.

Do đó, ông **T** khởi kiện yêu cầu ông **N**, bà **Ú** thanh toán cho ông số tiền vốn vay là 400.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 07/3/2022 đến khi kết thúc phiên toà sơ thẩm với mức lãi suất là 20%/năm.

\* Tại phiên toà, ông **Trần Văn N** trình bày:

Ông **N** thừa nhận vay mượn tiền của ông **T** nhiều lần do có quan hệ là bạn bè thân thiết. Lần cuối cùng là vào ngày 07/3/2022, ông có viết biên nhận vay của ông **T** số tiền 400.000.000 đồng, có tính lãi nhưng hai bên sẽ tự thoả thuận mức lãi khi thanh toán chứ không ghi trong biên nhận. Khi vay tiền thì bà **Ú** không biết do việc làm ăn trước giờ là do ông tự quyết định. Sau đó, khi ông không thanh toán được khoản nợ này thì bà **Ú** mới biết.

Tại phiên toà, ông đồng ý cùng với bà **Ú** thanh toán số tiền nợ trên cho ông **T** và tiền lãi theo yêu cầu của ông **T** là 20%/năm.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông **N**, bà **Ú** thanh toán cho ông **T** số tiền vốn là 400.000.000 đồng và tiền lãi theo sự tự nguyện thoả thuận của các bên. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Ông **Hồ Hiền T** khởi kiện yêu cầu ông **Trần Văn N**, bà **Nguyễn Thị Ú** thanh toán tiền vay nên đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Ông **N**, bà **Ú** có địa chỉ tại **ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau**. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông **T** thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bà **Ú** được triệu tập hợp lệ tham gia phiên toà nhưng vắng mặt không có lý

do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Ú.

[3] Theo các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, thể hiện vào ngày 07/3/2022 (dương lịch), ông N có vay của ông T số tiền 400.000.000 đồng, ông N có làm biên nhận nhận tiền.

Tại phiên toà, ông N cũng thừa nhận có vay của ông T số tiền này và đến nay chưa thanh toán. Điều này cũng phù hợp với lời khai của bà Trần Thị Đ là mẹ ruột ông N.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định ông N, bà Ú có vay của ông T số tiền 400.000.000 đồng và hiện tại chưa thanh toán khoản nợ này cho ông T.

Việc ông N, bà Ú không thanh toán nợ cho ông T là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay và ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông T. Tại phiên toà, ông N cũng thống nhất cùng với bà Ú thanh toán nợ cho ông T. Do đó, cần buộc N, bà Ú thanh toán cho ông T số tiền vốn vay là 400.000.000 đồng.

[4] Về yêu cầu thanh toán lãi: Do chấp nhận yêu cầu của ông T về việc yêu cầu ông N, bà Ú thanh toán tiền vay là 400.000.000 đồng nên chấp nhận yêu cầu thanh toán lãi. Tại phiên toà, các đương sự thống nhất áp dụng mức lãi suất 20%/năm (1,67%/tháng, 0,06%/ngày) kể từ ngày vay là ngày 07/3/2022 (dương lịch) cho đến hôm nay ngày 22/5/2024 (dương lịch) là 02 năm 02 tháng 15 ngày với số tiền là 176.960.000 đồng.

Tổng cộng, ông N, bà Ú phải thanh toán cho ông T số tiền vốn và lãi là 576.960.000 đồng.

[5] Về lãi suất chậm thi hành án: Ông N, bà Ú phải chịu theo quy định pháp luật.

[6] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí.

[7] Tại phiên toà, ông T, ông N có mặt nên thời hạn kháng cáo tính kể từ ngày tuyên án. Bà Ú vắng mặt, nên thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết công khai bản án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **Hồ Hiền T** về việc yêu cầu ông **Trần Văn N**, bà **Nguyễn Thị Ú** thanh toán tiền vay. Buộc ông **Trần Văn N**, bà **Nguyễn Thị Ú** có nghĩa vụ thanh toán cho ông **Hồ Hiền T** số tiền vốn và lãi là 576.960.000 đồng (Năm trăm bảy mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng).

2. Kể từ ngày ông **T** có đơn yêu cầu thi hành án. Trường hợp ông **N**, bà **Ú** chậm thanh toán khoản tiền nói trên thì ông **N**, bà **Ú** còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông **N**, bà **Ú** phải chịu 27.078.000 đồng (Hai mươi bảy triệu không trăm bảy mươi tám nghìn đồng, làm tròn số). Ông **T** được nhận lại tiền nộp tạm ứng án phí 12.800.000 đồng (Mười hai triệu tám trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015867 ngày 15/12/2023 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình phát hành.

4. Ông **T**, ông **N** được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà **Ú** vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc được niêm yết công khai bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Thị Bảo Trâm**